

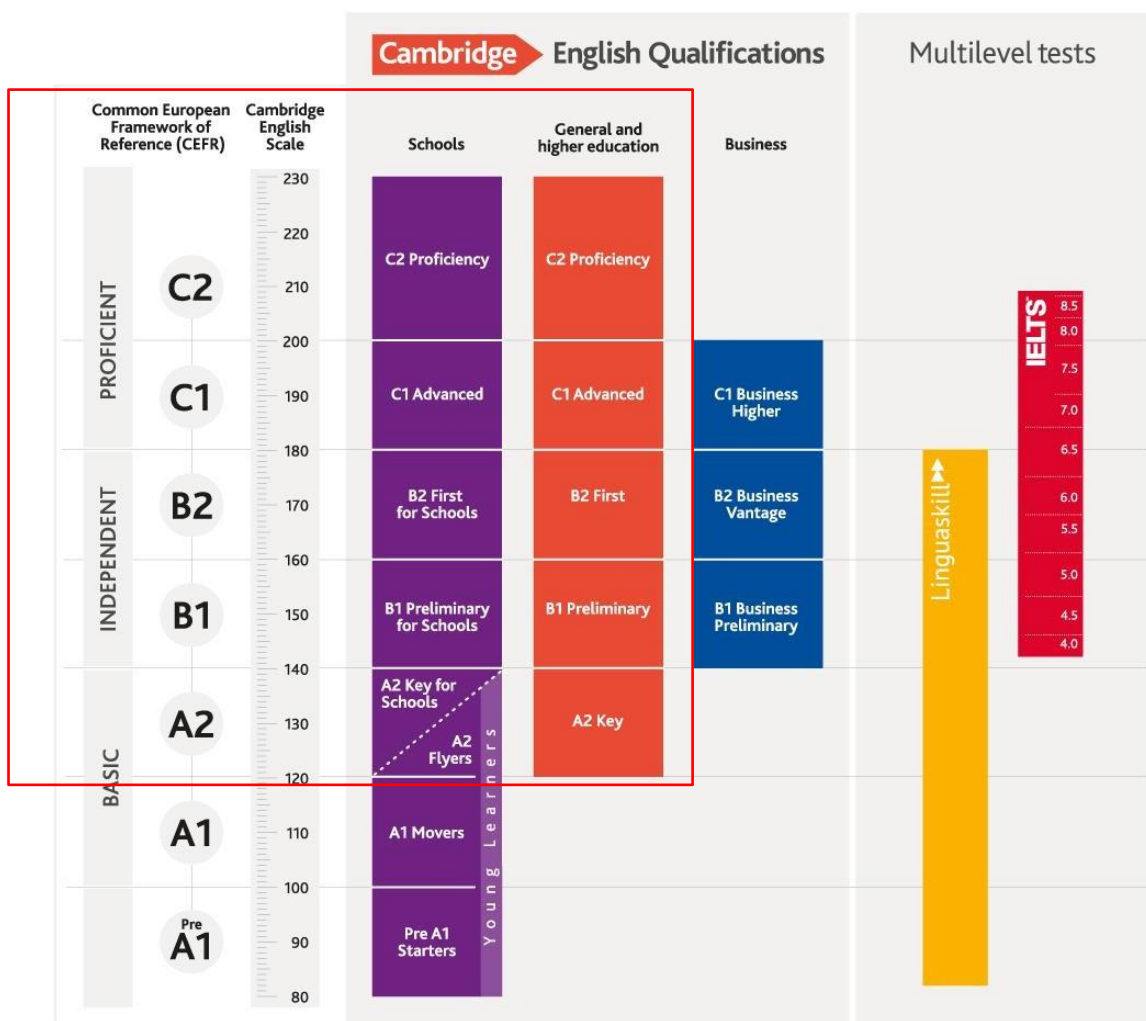
THÔNG TIN VỀ CÁC KỲ THI TIẾNG ANH CAMBRIDGE LIÊN KẾT TỔ CHỨC THI CẤP CHỨNG CHỨC

I. CÁC KỲ THI TIẾNG ANH CAMBRIDGE TỔNG QUÁT

Hệ thống chứng chỉ Tiếng Anh Cambridge Tổng quát bao gồm các kỳ thi đánh giá từ cấp độ A2 (Basic/Cơ bản) đến cấp độ C2 (Proficient/Thuần thực) theo Khung Tham chiếu Chung Châu Âu về Ngôn ngữ (CEFR).

Các kỳ thi Tiếng Anh Cambridge Tổng quát: A2 Key, B1 Preliminary và B2 First được bổ sung thêm phiên bản trường học (A2 Key for schools, B1 Preliminary for schools và B2 First for schools) dành cho học sinh bậc phổ thông. Sự khác biệt duy nhất của phiên bản trường học là các chủ đề được cân nhắc lựa chọn phù hợp với lứa tuổi học sinh.

Dưới đây là bảng minh họa các kỳ thi Tiếng Anh Tổng quát Cambridge (phiên bản dành cho người lớn và học sinh) được qui đổi theo cấp độ CEFR và Thang điểm Tiếng Anh Cambridge (Cambridge English Scale)



1. A2 Key (KET)

A2 Key thường được biết đến với tên gọi Cambridge English: Key (KET), là một trong hệ thống các chứng chỉ Tiếng Anh Cambridge. Nếu bạn là người mới học tiếng Anh, thi bài thi lấy chứng chỉ ở trình độ cơ bản này là một sự lựa chọn tuyệt vời.

Chứng chỉ 'A2 Key' là bằng chứng về khả năng của bạn trong việc sử dụng tiếng Anh để giao tiếp ở những tình huống đơn giản.

Kỳ thi sẽ kiểm tra cả bốn kỹ năng tiếng Anh – đọc, viết, nghe và nói.

Bài kiểm tra này giúp bạn tự tin để tiếp tục học cho các kỳ thi ở cấp độ cao hơn, như 'B1 Preliminary' và 'B2 First'

Cấu trúc bài thi

Bài A2 Key phát triển 3 bài thi để đánh giá trình độ tiếng Anh, cụ thể:

Bài thi	Nội dung	Điểm (%/tổng điểm)	Mục đích
Đọc và Viết (1 giờ)	7 phần/ 32 câu hỏi	50%	Thí sinh thể hiện khả năng hiểu các thông tin được viết đơn giản như biển báo, tờ rơi, báo và tạp chí.
Nghe 30 phút (bao gồm 6 phút chuyển đáp án)	5 phần/ 25 câu hỏi	25%	Yêu cầu thí sinh có thể hiểu các thông báo và các tài liệu nói khác khi người nói nói một cách chậm rãi.
Nói 8-10 phút/ cặp thí sinh	2 phần	25%	Thí sinh thể hiện khả năng tham gia một cuộc hội thoại bằng cách trả lời và hỏi các câu hỏi đơn giản. Bài kiểm tra nói có thể diễn ra theo hình thức trực tiếp với 1 hoặc 2 thí sinh khác và 2 giám khảo. Điều này cho phép kết quả kiểm tra thực tế hơn và tin cậy.

Đọc và Viết

Bài thi A2 Key Đọc và Viết có 7 phần và nhiều đoạn văn, câu hỏi với dạng bài khác nhau. Phần 1-5 là câu hỏi cho kỹ năng Đọc và phần 6-7 chủ yếu là kỹ năng Viết.

Thí sinh cần làm gì?	Đọc 6 đoạn văn ngắn về thế giới thực thường ngày để hiểu nội dung chính.
Số câu hỏi?	6
Số điểm?	1 điểm cho mỗi câu trả lời đúng

Phần 2 (Nối thông tin)

Thí sinh cần làm gì?	Đọc 7 câu hỏi và 3 đoạn văn ngắn về cùng 1 chủ đề, rồi nối câu hỏi với đoạn văn
Số câu hỏi?	7
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng

Phần 3 (Lựa chọn đáp án)

Thí sinh cần làm gì?	Đọc 1 đoạn văn dài để hiểu ý chính và các ý chi tiết
Số câu hỏi?	5
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng

Part 4 (Lựa chọn đáp án đúng và điền vào ô trống)

Thí sinh cần làm gì?	Đọc 1 đoạn văn dữ kiện và chọn từ vựng đúng để điền vào ô trống
Số câu hỏi?	6
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng

Part 5 (Điền từ)

Thí sinh cần làm gì?	Điền vào các ô trống trong 1 thư điện tử (đôi khi có thể là đoạn văn phản hồi), chỉ sử dụng 1 từ
Số câu hỏi?	6
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng

Phần 6 (Viết có hướng dẫn)

Thí sinh cần làm gì?	Viết 1 email ngắn hoặc 1 đoạn tin nhắn ngắn từ 25 từ trở lên
Số câu hỏi?	1
Số điểm?	Tối đa 15 điểm

Part 7 (Viết câu chuyện theo tranh/ảnh)

Thí sinh cần làm gì?	Viết 1 câu chuyện ngắn từ 35 từ trở lên dựa trên 3 bức tranh đã cho.
Số câu hỏi	1
Số điểm?	Tối đa 15 điểm

Nghe

Bài A2 Key kỹ năng Nghe có 5 phần, mỗi phần thí sinh phải nghe một hoặc nhiều đoạn ghi âm và trả lời một số câu hỏi. Thí sinh nghe được nghe mỗi đoạn ghi âm 2 lần.

Phần 1 (Lựa chọn đáp án)

Thí sinh cần làm gì?	Xác định thông tin chính trong 5 đoạn hội thoại ngắn và chọn đúng đáp án hình ảnh
Số câu hỏi?	5
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng

Phần 2 (Điền vào ô trống)

Thí sinh cần làm gì?

Nghe đoạn đọc thoại và hoàn thành ô trống trong trang ghi chú đã cho

Số câu hỏi?

5

Số điểm?

1 điểm cho câu trả lời đúng

Phần 3 (Lựa chọn đáp án)

Thí sinh cần làm gì?	Nghe một đoạn hội thoại để lấy thông tin chính và trả lời các câu hỏi có 3 lựa chọn
Số câu hỏi?	5
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng

Phần 4 (Lựa chọn đáp án)

Thí sinh cần làm gì?	Xác định ý chính, thông điệp của người nói, ý chính hoặc chủ đề trong 5 đoạn độc thoại hoặc hội thoại và trả lời các câu hỏi có 3 lựa chọn
Số câu hỏi?	5
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng

Phần 5 (Nói thông tin)

Thí sinh cần làm gì?	Nghe một đoạn hội thoại để nắm thông tin chính và nói năm câu hỏi
Số câu hỏi?	5
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng

Nói

Bài A2 Key kỹ năng Nói có 2 phần và thí sinh hoàn thành phần thi với thí sinh khác. Có 2 giám khảo trong phòng thi. Một giám khảo hỏi thí sinh các câu hỏi và giám khảo còn lại lắng nghe câu trả lời của thí sinh. Cả 2 giám khảo đều chấm điểm cho phần thi của thí sinh.

Phần 1 (Phỏng vấn)

Thí sinh cần làm gì?	Trả lời câu hỏi, đưa ra các thông tin cá nhân hoặc thông tin theo thực tế.
Thời gian nói?	3–4 phút.

Phần 2 (Thảo luận)

Thí sinh cần làm gì?	Thí sinh thảo luận về sở thích và không thích, vừa đưa ra lý do.
Thời gian nói?	5–6 phút.

2. B1 Preliminary (PET)

B1 Preliminary thường được biết đến với tên gọi Cambridge English: Preliminary (PET), là một trong hệ thống các chứng chỉ Tiếng Anh Cambridge. Kỳ thi này chứng tỏ được năng lực tiếng Anh mà người học nắm vững các kiến thức cơ bản.

Chứng chỉ B1 Preliminary chứng tỏ người học đã nắm vững các kiến thức cơ bản và có các kỹ năng ngôn ngữ thực tế trong cuộc sống hàng ngày.

Kỳ thi này là bước đi tiếp theo trong học trình học tiếng Anh giữa A2 Key và B2 First.

Cấu trúc bài thi

B1 Preliminary bao gồm bốn bài thi đánh giá các kỹ năng tiếng Anh của thí sinh, cụ thể:

Bài thi	Nội dung	Điểm (%/tổng điểm)	Mục đích
Đọc (45 phút)	6 phần/32 câu hỏi	25%	Cho thấy thí sinh có thể đọc và hiểu các ý chính từ các biển hiệu, bài báo và tạp chí.
Viết (45 phút)	2 phần/ 2 câu hỏi	25%	Cho thấy thí sinh có thể sử dụng chính xác từ vựng và cấu trúc
Nghe (30 phút, gồm 6 phút chuyển đáp án)	4 phần/ 25 câu hỏi	25%	Thí sinh có khả năng bắt kịp và hiểu các tài liệu nói đa dạng bao gồm các thông báo và thảo luận về chủ đề trong cuộc sống thường nhật.
Nói (12–17 phút/cặp thí sinh)	4 phần	25%	Cho thấy thí sinh có khả năng giao tiếp tốt thông qua các cuộc hội thoại bằng việc hỏi/ trả lời các câu hỏi và

Bài thi	Nội dung	Điểm (%/tổng điểm)	Mục đích
			trao đổi, ví dụ về sở thích và không thích. Bài thi nói được thi trực tiếp với một hoặc hai thí sinh khác và hai giám khảo. Điều này làm cho bài thi trở nên thực tế và tin cậy hơn.

Đọc

Bài thi B1 Preliminary kỹ năng Đọc gồm sáu phần với cá dạng văn bản và câu hỏi khác nhau.

Phần 1 (Lựa chọn đáp án)

Thí sinh cần làm gì?	Đọc 5 thông báo và thông điệp từ bối cảnh thực tế và các đoạn văn ngắn để lấy thông điệp chính.
Số câu hỏi?	5
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng

Phần 2 (Nối thông tin)

Thí sinh cần làm gì?	Nối phần mô tả về 5 người với 8 đoạn văn bản ngắn về một chủ đề phổ biến, thể hiện khả năng đọc hiểu thông tin chi tiết.
Số câu hỏi?	5
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng

Phần 3 (Lựa chọn đáp án)

Thí sinh cần làm gì?	Đọc một đoạn văn bản dài hơn nắm thông tin chi tiết, ý chính, phỏng đoán và ý nghĩa tổng thể cũng như thái độ và quan điểm của người viết
----------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Số câu hỏi?	5
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng.

Phần 4 (Văn bản có phần trống)

Thí sinh cần làm gì?	Đọc một đoạn văn dài trong đó 5 câu để trống. Khả năng hiểu về sự hình thành tính liên kết và cấu trúc chặt chẽ của văn bản.
Số câu hỏi?	5
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng.

Phần 5 (Chọn đáp án đúng và điền vào ô trống)

Thí sinh cần làm gì?	Đọc một đoạn văn bản ngắn và chọn từ vựng đúng để điền vào chỗ trống.
Số câu hỏi?	6
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng.

Phần 6 (Điền từ vào ô trống)

Thí sinh cần làm gì?	Đọc một đoạn văn ngắn và điền vào 6 chỗ trống, sử dụng một từ vào mỗi chỗ trống.
Số câu hỏi?	6
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng.

Viết

Bài B1 Preliminary kỹ năng Viết gồm 2 phần thi. Thí sinh cần thể hiện rằng có thể viết các dạng văn bản khác nhau bằng tiếng Anh.

Phần 1 (Viết một thư điện tử/email)

Thí sinh cần làm gì?	Viết khoảng 100 từ trả lời email và tờ ghi chú theo đề bài cho
Số câu hỏi?	1
Số điểm?	Tối đa 20 điểm

Phần 2 (Lựa chọn giữa viết bài hoặc kể một câu chuyện)

Thí sinh cần làm gì?	Viết 100 từ trả lời câu hỏi thí sinh lựa chọn
Số câu hỏi?	Lựa chọn 1 trong số 2 câu hỏi
Số điểm?	Tối đa 20 điểm

Nghe

Bài B1 Preliminary kỹ năng Nghe bao gồm 4 phần. Ở mỗi phần, thí sinh nghe một hoặc nhiều đoạn ghi âm và trả lời một số câu hỏi. Thí sinh được nghe 2 lần cho mỗi đoạn ghi âm.

Phần 1 (Lựa chọn đáp án)

Thí sinh cần làm gì?	Xác định thông tin chính trong 7 đoạn độc thoại hoặc hội thoại và chọn đáp án hình ảnh đúng
Số câu hỏi?	7
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng.

Phần 2 (Lựa chọn đáp án)

Thí sinh cần làm gì?	Nghe 6 đoạn hội thoại ngắn và hiểu ý chính của mỗi đoạn
Số câu hỏi?	6
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng.

Phần 3 (Điền từ vào ô trống)

Thí sinh cần làm gì?	Nghe một đoạn hội thoại và điền từ vào 6 ô trống
Số câu hỏi?	6
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng.

Part 4 (Multiple choice)

Thí sinh cần làm gì?	Nghe một cuộc phỏng vấn để hiểu chi tiết về ý nghĩa, xác định các thái độ và quan điểm.
Số câu hỏi?	6
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng.

Nói

Bài B1 Preliminary kỹ năng Nói bao gồm 4 phần và thí sinh được yêu cầu thực hiện phần thi với thí sinh khác. Có hai giám khảo, một giám khảo hỏi thí sinh và giám khảo còn lại ngồi nghe.

Phần 1 (Phỏng vấn)

Thí sinh cần làm gì?	Trả lời câu hỏi, đưa ra các thông tin cá nhân hoặc thông tin theo thực tế
Thời gian nói?	2 phút

Phần 2 (Nói theo lượt mở rộng)

Thí sinh cần làm gì?	Mô tả một bức tranh màu trong khoảng thời gian 1 phút
Thời gian nói?	3 phút

Phần 3 (Thảo luận)

Thí sinh cần làm gì?	Đưa ra và trả lời các gợi ý, thảo luận các phương án lựa chọn và thương thảo để đạt sự đồng thuận
Thời gian nói?	4 phút

Phần 4 (Trao đổi chung)

Thí sinh cần làm gì?	Thảo luận về sở thích, không thích, các trải nghiệm, quan điểm và thói quen...
Thời gian nói?	3 phút

3. B2 First (FCE)

B2 First, thường được biết đến với tên gọi là Cambridge English: First (FCE), là một chứng chỉ nằm trong hệ thống Chứng chỉ Tiếng Anh Cambridge. Đây là kỳ thi phổ biến nhất được hàng ngàn các tổ chức giáo dục và doanh nghiệp trên toàn thế giới công nhận.

Chứng chỉ B2 First chứng minh rằng bạn có những kỹ năng ngôn ngữ để sống và làm việc độc lập tại các quốc gia nói tiếng Anh cũng như để học các chương trình được giảng dạy bằng tiếng Anh.

Kỳ thi này là một bước tiến hợp lý trong hành trình học ngôn ngữ của bạn giữa B1 Preliminary và C1 Advanced.

Cấu trúc bài thi

B2 First là bài kiểm tra toàn diện khả năng sử dụng tiếng Anh.

Bài thi bao gồm 4 phần thi được xây dựng để kiểm tra các kỹ năng tiếng Anh của thí sinh.

Bài thi Nói được thực hiện trực tiếp giữa 2 thí sinh và 2 giám khảo, góp phần kiểm tra khả năng giao tiếp tiếng Anh một cách thực tế và đáng tin cậy hơn.

Bài thi	Nội dung	Mục đích
Đọc và Sử dụng tiếng Anh (1 giờ 15 phút)	7 phần/ 52 câu hỏi	Thí sinh cần thể hiện khả năng tự tin xử lý nhiều loại văn bản khác nhau, bao gồm văn bản hư cấu, báo và tạp chí. Phần thi này kiểm tra khả năng sử dụng tiếng Anh với nhiều dạng câu hỏi khác nhau, qua đó cho thấy khả năng sử dụng ngữ pháp và từ vựng của thí sinh

Bài thi	Nội dung	Mục đích
Viết (1 giờ 20 phút)	2 phần	Thí sinh sẽ viết 2 văn bản với thể loại khác nhau, chẳng hạn như thư, báo cáo, bài đánh giá và tiểu luận
Nghe (khoảng 40 phút)	4 phần/ 30 câu hỏi	Kiểm tra khả năng nghe và hiểu một số loại tài liệu nói khác nhau, chẳng hạn như chương trình tin tức, thuyết trình, cuộc trò chuyện hàng ngày
Nói (14 phút/cặp thí sinh)	4 phần	Kiểm tra khả năng giao tiếp hiệu quả trong các tình huống trực tiếp. Mỗi thí sinh sẽ thực hiện bài thi Nói với một hoặc hai thí sinh khác.

Đọc và Sử dụng tiếng Anh

Bài thi Đọc và Sử dụng tiếng Anh gồm 7 phần và nhiều dạng văn bản cùng câu hỏi khác nhau.

Phần 1 đến 4, thí sinh đọc nhiều dạng văn bản và thực hiện các nhiệm vụ ngữ pháp và từ vựng.

Phần 5 đến 7, thí sinh đọc một chuỗi các văn bản và trả lời câu hỏi nhằm đánh giá khả năng đọc hiểu và thí sinh thể hiện khả năng có thể xử lý với nhiều dạng văn bản khác nhau.

Tóm lược:

Thời gian:	1 giờ 15 phút
Số phần:	7
Số câu hỏi:	52
Độ dài văn bản:	Khoảng 2200 từ
Văn bản có thể đến từ:	Báo và tạp chí, báo chuyên ngành, sách (hư cấu và phi hư cấu), tài liệu quảng cáo và tài liệu phổ biến thông tin

Phần 1 (Chọn đáp án đúng và điền vào ô trống)

Mô tả Phần 1:	Văn bản có các câu hỏi lựa chọn đáp án. Mỗi câu hỏi sẽ có 4 lựa chọn (A, B, C hoặc D); thí sinh cần lựa chọn câu trả lời đúng.
Thí sinh cần luyện tập gì?	Từ vựng - thành ngữ, kết hợp từ, sắc thái nghĩa, cụm động từ, cụm từ cố định...
Số câu hỏi?	8
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng

Phần 2 (Điền từ vào ô trống)

Mô tả Phần 2:	Văn bản có một số chỗ trống, mỗi chỗ trống tương ứng với một từ bị khuyết. Thí sinh cần điền đúng từ vào chỗ trống
Thí sinh cần luyện tập gì?	Ngữ pháp và từ vựng
Số câu hỏi?	8
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng

Phần 3 (Biến đổi dạng từ)

Mô tả Phần 3:	Văn bản có 8 chỗ trống, mỗi chỗ trống tương ứng với một từ. Cuối mỗi dòng là một "từ gợi ý" mà thí sinh cần thay đổi để điền vào chỗ trống sao cho đúng.
Thí sinh cần luyện tập gì?	Từ vựng
Số câu hỏi?	8
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng

Phần 4 (Viết lại câu với từ gợi ý)

Mô tả Phần 4:	Mỗi câu hỏi bao gồm một câu, tiếp sau là một “từ chìa khóa” (gợi ý) và câu thứ hai có chỗ trống ở giữa. Thí sinh phải dùng “từ chìa khóa” để hoàn thành câu thứ hai, sao cho câu thứ hai có nghĩa giống câu thứ nhất
Thí sinh cần luyện tập gì?	Ngữ pháp và từ vựng
Số câu hỏi?	6
Số điểm?	Tối đa 2 điểm cho mỗi câu trả lời đúng

Phần 5 (Lựa chọn đáp án)

Mô tả Phần 5?	Văn bản kèm theo một số câu hỏi trắc nghiệm. Mỗi câu hỏi có 4 lựa chọn A, B, C, D; thí sinh cần lựa chọn câu trả lời đúng
Thí sinh cần luyện tập gì?	Đọc hiểu và tìm thông tin chi tiết, ý kiến, giọng điệu, mục đích, ý chính, hàm ý và thái độ.
Số câu hỏi?	6
Số điểm?	Tối đa 2 điểm cho mỗi câu trả lời đúng

Phần 6 (Văn bản có phần trống)

Mô tả Phần 6?	Một trang văn bản với một số chỗ trống đánh số, mỗi chỗ trống tương ứng với câu còn thiếu. Sau văn bản có một số câu không được sắp xếp đúng trật tự. Thí sinh cần đọc văn bản và các câu, và quyết định câu nào phù hợp nhất cho mỗi chỗ trống
Thí sinh cần luyện tập gì?	Hiểu cấu trúc và phát triển một văn bản
Số câu hỏi?	6
Số điểm?	Tối đa 2 điểm cho mỗi câu trả lời đúng

Phần 7 (Nối thông tin)

Mô tả Phần 7:	Phần thi này bao gồm chuỗi các câu hỏi tiếp sau một văn bản được chia thành các phần hoặc một vài văn bản ngắn. Thí sinh cần ghép mỗi câu với phần hoặc đoạn văn phù hợp với thông tin tìm thấy.
Thí sinh cần luyện tập gì?	Đọc tìm thông tin cụ thể, chi tiết, quan điểm và thái độ
Số câu hỏi?	10
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng

Viết

Trong hai phần của bài thi B2 First kỹ năng Viết, thí sinh sẽ phải thể hiện kỹ năng viết một số loại văn bản khác nhau bằng tiếng Anh

Tóm lược:

Thời gian:	1 giờ 20 phút
Số phần:	2
Số câu hỏi:	Phần 1: 1 câu hỏi bắt buộc Phần 2: Chọn 1 trong 3 câu hỏi
Dạng bài:	Bài báo, thư điện tử, tiểu luận, thư, báo cáo, đánh giá

Phần 1 (Câu hỏi bắt buộc)

Mô tả Phần 1:	Thí sinh được cung cấp một tiêu đề tiểu luận và hai ý liên quan đến tiêu đề. Thí sinh viết một bài tiểu luận đưa ra ý kiến cá nhân về tiêu đề đó, sử dụng các ý đã được cung cấp. Thí sinh phải bổ sung thêm ý thứ ba của mình gắn với tiêu đề. Tiêu đề là một chủ đề cùng mối - không yêu cầu bất kỳ kiến thức chuyên biệt.
Thí sinh cần luyện tập gì?	Khả năng sử dụng các chức năng ngôn ngữ như khả năng đánh giá, bày tỏ quan điểm, đưa ra giả thuyết, biện luận và thuyết phục
Số câu hỏi?	1 câu hỏi bắt buộc

Số từ cần viết?

140–190 từ

Phần 2 (Viết dựa trên tình huống tự chọn)

Mô tả Phần 2:	Thí sinh sẽ chọn và viết một văn bản trong số các thể loại như sau: bài báo, thư/email, báo cáo hoặc bài đánh giá. Nhằm định hướng cho thí sinh trong phần thi này, đề thi sẽ cung cấp thông tin về ngữ cảnh, mục đích của chủ đề và đối tượng đọc văn bản
Thí sinh cần luyện tập gì?	Viết các loại văn bản khác nhau có thể được dùng trong bài thi
Số câu hỏi?	Chọn 1 trong số 3 đề bài
Số từ cần viết?	140–190 từ

Nghe

Bài thi B2 First kỹ năng Nghe bao gồm 4 phần. Trong mỗi phần, thí sinh phải nghe một hoặc nhiều đoạn ghi âm và trả lời các câu hỏi. Thí sinh được nghe mỗi đoạn ghi âm hai lần.

Tóm lược:

Thời gian:	Khoảng 40 phút
Số phần:	4
Số câu hỏi:	30
Dạng bài nghe:	Dạng độc thoại: trả lời lời nhắn qua điện thoại, chương trình và chuyên mục radio, tin tức, thông báo công cộng, chuyện kể lại, bài giảng và buổi nói chuyện; hoặc dạng tương tác giữa hai người nói: trao đổi, phỏng vấn, thảo luận và kịch truyền thanh

Phần 1 (Lựa chọn đáp án)

Mô tả Phần 1:	Tám đoạn ghi âm ngắn, bao gồm các đoạn độc thoại hoặc nhiều cuộc trò chuyện giữa các nhân vật nói. Sau mỗi đoạn ghi âm, thí sinh cần trả lời hai câu hỏi trắc nghiệm bao gồm 3 lựa chọn A, B và C.
Thí sinh cần luyện tập gì?	Khả năng nghe hiểu cảm xúc, thái độ, quan điểm, mục đích, chức năng, sự đồng thuận, ý chính và chi tiết...
Số câu hỏi?	8

Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng
----------	-----------------------------

Phần 2 (Hoàn thành câu)

Mô tả Phần 2:	Đoạn ghi âm dạng độc thoại trong khoảng 3 phút (có thể được người dẫn chương trình giới thiệu). Thí sinh cần hoàn thành các câu còn để trống bằng cách điền thông tin khi nghe đoạn ghi âm này.
Thí sinh cần luyện tập gì?	Nghe hiểu thông tin cụ thể và quan điểm của người nói
Số câu hỏi?	10
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng

Phần 3 (Nối thông tin)

Mô tả Phần 3?	Một chuỗi năm đoạn độc thoại theo chủ đề do năm người khác nhau nói, mỗi đoạn kéo dài khoảng 30 giây. Thí sinh cần chọn 5 lựa chọn đúng từ danh sách 8 câu trả lời.
Thí sinh cần luyện tập gì?	Listening for gist, attitude, opinion, purpose, feeling, main points and detail. Nghe hiểu ý chính, thái độ, quan điểm, mục đích nói, cảm xúc, các điểm chính và chi tiết
Số câu hỏi?	5
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng

Phần 4 (Lựa chọn đáp án)

Mô tả Phần 4:	Một đoạn hội thoại giữa hai hoặc nhiều người nói, kéo dài khoảng 3- 4 phút. Thí sinh cần trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bao gồm 4 lựa chọn A, B hoặc C
Thí sinh cần luyện tập gì?	Nghe và hiểu thái độ, quan điểm, chi tiết, ý chính và thông tin cụ thể

Số câu hỏi?	7
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng

Nói

Bài thi B2 First kỹ năng Nói bao gồm bốn phần và thí sinh sẽ thực hiện phần thi cùng thí sinh khác.

Hai giám khảo tham gia phần thi này. Một giám khảo trực tiếp đặt câu hỏi và trao thí sinh tài liệu có chủ đề nói, trong khi giám khảo còn lại nghe phần trả lời của thí sinh và ghi chú.

Tóm lược:

Thời gian:	14 phút/cặp thí sinh
Số phần:	4
Thí sinh cần nói với:	Giám khảo Thí sinh khác Tự nói

Phần 1 (Phỏng vấn)

Mô tả Phần 1:	Giám khảo sẽ trò chuyện với thí sinh. Giám khảo đặt các câu hỏi và thí sinh cung cấp thông tin về sở thích, học tập, công việc...
Thí sinh cần luyện tập gì?	Khả năng truyền đạt thông tin về bản thân và bày tỏ quan điểm về nhiều chủ đề khác nhau
Thời gian nói?	2 phút

Phần 2 (Nói theo lượt)

Mô tả Phần 2:	Giám khảo sẽ đưa cho thí sinh hai bức hình và yêu cầu thí sinh này nói về hai bức hình đó. Thí sinh cần nói trong vòng 1 phút không ngắt quãng. Sau đó, giám khảo yêu cầu thí sinh thứ hai bình luận về những gì thí sinh thứ nhất nói trong vòng 30 giây. Tiếp theo, thí sinh thứ hai sẽ nhận một bộ các bức hình khác và nói trong vòng 1 phút tương tự thí sinh thứ nhất. Thí sinh thứ
---------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

	nhất sẽ phải đưa ra bình luận của mình sau khi phần nói này kết thúc. Câu hỏi mà mỗi thí sinh cần trả lời khi nói về các bức hình được viết tại đầu trang, nhằm giúp nhắc nhở thí sinh cần nói gì
Thí sinh cần luyện tập gì?	Khả năng tự nói về một điều gì đó, bao gồm kỹ năng so sánh, mô tả, bày tỏ quan điểm và phỏng đoán
Thời gian nói?	Mỗi thí sinh sẽ nói trong vòng 1 phút

Phần 3 (Phối hợp)

Mô tả Phần 3:	Phần thi này yêu cầu 2 thí sinh trò chuyện với nhau. Giám khảo sẽ đưa thí sinh đề bài và nhiệm vụ cần thực hiện. Thí sinh phải trao đổi với thí sinh còn lại và đưa ra quyết định.
Thí sinh cần luyện tập gì?	Khả năng trao đổi ý tưởng, bày tỏ và biện luận quan điểm, đồng ý/không đồng ý với người khác, gợi ý, phỏng đoán, đánh giá, đạt được quyết định sau khi thương lượng...
Thời gian nói?	3 phút (2 phút thảo luận và 1 phút cho việc đưa ra quyết định)

Phần 4 (Thảo luận)

Mô tả Phần 4:	Dựa trên câu hỏi từ giám khảo, hai thí sinh sẽ tiếp tục phần thảo luận với nhau dựa trên chủ đề hoặc vấn đề được đưa ra từ Phần 3.
Thí sinh cần luyện tập gì?	Khả năng bày tỏ và biện luận quan điểm, đồng ý/không đồng ý
Thời gian nói?	4 phút

4. C1 Advanced (CAE)

C1 Advanced, từng được biết đến với tên gọi là Cambridge English: Advanced (CAE), là một chứng chỉ nằm trong hệ thống Chứng chỉ Tiếng Anh Cambridge. Chứng chỉ này chứng nhận khả năng sử dụng ngôn ngữ bậc cao, sâu rộng được các doanh nghiệp và trường đại học tìm kiếm.

Hơn 9000 cơ sở giáo dục, doanh nghiệp và cơ quan chính phủ trên khắp thế giới công nhận chứng chỉ C1 Advanced với tư cách văn bằng chứng nhận trình độ tiếng Anh bậc cao.

Trong quá trình chuẩn bị cho bài thi C1 Advanced, học viên sẽ phát triển bộ kỹ năng giúp họ đạt lợi ích lớn nhất từ việc học tập, làm việc và sinh sống tại các quốc gia nói tiếng Anh.

Bài thi này là bước đi tiếp theo trong hành trình học tiếng Anh, giữa bài thi B2 First và C2 Proficiency.

Cấu trúc bài thi

C1 Advanced là bài thi kiểm tra toàn diện tất cả các khía cạnh của khả năng sử dụng ngôn ngữ Anh.

Bài thi được cập nhật kể từ tháng 1/2015 bao gồm 4 phần thi được xây dựng để kiểm tra kỹ năng tiếng Anh của thí sinh.

Bài thi Nói được thực hiện trực tiếp giữa 2 thí sinh và 2 giám khảo, góp phần kiểm tra khả năng giao tiếp tiếng Anh một cách thực tế và đáng tin cậy hơn.

Bài thi	Nội dung	Mục đích
Đọc và Sử dụng tiếng Anh (1 giờ 30 phút)	8 phần/ 56 câu hỏi	Thí sinh cần thể hiện khả năng tự tin xử lý nhiều loại văn bản khác nhau, bao gồm văn bản hư cấu, báo và tạp chí. Phần thi này kiểm tra khả năng sử dụng tiếng Anh với nhiều dạng câu hỏi khác nhau, qua đó cho thấy khả năng sử dụng ngữ pháp và từ vựng của thí sinh.
Viết (1 giờ 30 phút)	2 phần	Thí sinh sẽ viết 2 văn bản với thể loại khác nhau, chẳng hạn như tiểu luận, thư/email, đề xuất, báo cáo và bài đánh giá.
Nghe (khoảng 40 phút)	4 phần/ 30 câu hỏi	Kiểm tra khả năng nghe và hiểu một số loại tài liệu nghe khác nhau, chẳng hạn như cuộc phỏng vấn, chương trình radio, bài thuyết trình, cuộc trò chuyện hay cuộc nói chuyện hằng ngày.
Nói (15 phút cho mỗi cặp thí sinh dự thi)	4 phần	Kiểm tra khả năng giao tiếp hiệu quả trong các tình huống trực tiếp. Mỗi thí sinh sẽ làm bài thi Nói với một thí sinh khác.

Đọc và Sử dụng Tiếng Anh

Phần thi Đọc và Sử dụng tiếng Anh của bài thi C1 Advanced bao gồm tám phần và nhiều dạng văn bản cùng câu hỏi khác nhau.

Tóm lược:

Thời gian:	1 giờ 30 phút
Số phần:	8
Số câu hỏi:	56
Độ dài văn bản:	Tổng cộng 3,000–3,500
Văn bản có thể đến từ:	Báo và tạp chí, báo chuyên ngành, sách (hư cấu và phi hư cấu), tài liệu quảng cáo và tài liệu phổ biến thông tin.

Phần 1 (Chọn đáp án đúng và điền vào ô trống)

Mô tả Phần 1	Văn bản có một số chỗ trống được đánh số, mỗi chỗ trống sẽ là một từ hoặc cụm từ. Sau văn bản là 4 lựa chọn cho mỗi chỗ trống; thí sinh cần lựa chọn câu trả lời đúng (A, B, C hoặc D)
Thí sinh cần luyện tập gì?	Từ vựng - thành ngữ, kết hợp từ, sắc thái nghĩa, cụm động từ, cụm từ cố định
Số câu hỏi?	8
Số điểm?	Một điểm cho câu trả lời đúng

Phần 2 (Điền từ vào chỗ trống)

Mô tả Phần 2	Văn bản có một số chỗ trống, mỗi chỗ trống tương ứng với một từ. Thí sinh phải điền đúng từ vào chỗ trống
Thí sinh cần luyện tập gì?	Ngữ pháp và từ vựng
Số câu hỏi?	8
Số điểm?	Một điểm cho câu trả lời đúng

Phần 3 (Biến đổi dạng từ)

Mô tả Phần 3	Văn bản có 8 chỗ trống, mỗi chỗ trống tương ứng với một từ. Cuối mỗi dòng là một “từ gợi ý” mà thí sinh cần thay đổi để điền vào chỗ trống sao cho đúng.
Thí sinh cần luyện tập gì?	Từ vựng
Số câu hỏi?	8
Số điểm?	Một điểm cho câu trả lời đúng

Phần 4 (Viết lại câu với từ gợi ý)

Mô tả Phần 4	Mỗi câu hỏi bao gồm một câu, sau đó là một “từ chìa khóa” (gợi ý) và câu thứ hai có chỗ trống ở giữa. Thí sinh phải dùng “từ chìa khóa” để điền 3-6 từ vào chỗ trống này và hoàn thành câu thứ hai, sao cho câu thứ hai có nghĩa giống câu thứ nhất
Thí sinh cần luyện tập gì?	Ngữ pháp, từ vựng và kết hợp từ
Số câu hỏi?	6
Số điểm?	Tối đa 2 điểm cho mỗi câu trả lời đúng

Phần 5 (Lựa chọn đáp án)

Mô tả Phần 5	Văn bản kèm theo một số câu hỏi trắc nghiệm. Mỗi câu hỏi có 4 lựa chọn A, B, C, D; thí sinh cần lựa chọn câu trả lời đúng.
Thí sinh cần luyện tập gì?	Đọc hiểu và tìm thông tin chi tiết, ý kiến, giọng điệu, mục đích, ý chính, hàm ý và thái độ.
Số câu hỏi?	6
Số điểm?	2 điểm cho mỗi câu trả lời đúng

Phần 6 (Nối thông tin từ nhiều văn bản)

Mô tả Phần 6	4 văn bản ngắn kèm theo các câu hỏi nối thông tin đến các văn bản này. Thí sinh phải đọc tất cả các văn bản để nối một gợi ý cho sẵn phù hợp với các thành tố trong văn bản.
Thí sinh cần luyện tập gì?	Khả năng hiểu và so sánh quan điểm và thái độ giữa các văn bản
Số câu hỏi?	4
Số điểm?	2 điểm cho mỗi câu trả lời đúng

Part 7 (Văn bản có phần trống)

Mô tả Phần 7	Một trang văn bản với một số chỗ trống đánh số, mỗi chỗ trống tương ứng với đoạn văn còn thiếu. Sau văn bản là một số đoạn văn không được sắp xếp đúng trật tự. Thí sinh cần đọc văn bản và các đoạn văn và quyết định đoạn văn nào phù hợp nhất tương ứng cho mỗi chỗ trống.
Thí sinh cần luyện tập gì?	Phương pháp hiểu cấu trúc và cách xây dựng cấu trúc văn bản
Số câu hỏi?	6
Số điểm?	2 điểm cho mỗi câu trả lời đúng

Phần 8 (Nối thông tin từ nhiều văn bản)

Nội dung Phần 8?	Phần thi này bao gồm các câu hỏi nối thông tin tiếp sau một văn bản hoặc một số văn bản ngắn. Thí sinh phải nối một gợi ý cho sẵn phù hợp với các thành tố trong văn bản.
Thí sinh cần luyện tập gì?	Đọc và hiểu thông tin cụ thể, chi tiết, quan điểm và thái độ
Số câu hỏi?	10
Số điểm?	1 điểm cho mỗi câu trả lời đúng

Viết

Trong hai phần của bài thi Viết C1 Advanced, thí sinh sẽ phải thể hiện kỹ năng viết một số loại văn bản khác nhau bằng tiếng Anh.

Tóm lược:

Thời gian:	1 giờ 30 phút
Số phần:	2
Số câu hỏi:	Phần 1: Một câu hỏi bắt buộc Phần 2: Thí sinh chọn một trong ba câu hỏi
Dạng bài:	Nhiều loại văn bản, từ tiểu luận, thư/email, đề xuất cho đến báo cáo và bài đánh giá

Phần 1 (Câu hỏi bắt buộc)

Mô tả Phần 1?	Thí sinh đọc một văn bản và sau đó viết một bài tiểu luận dựa trên các ý có trong văn bản. Thí sinh sẽ được yêu cầu giải thích ý nào trong số hai ý quan trọng hơn và đưa ra lý do cho quan điểm của mình.
Thí sinh cần luyện tập gì?	Thí sinh cần phát triển từng ý một cách đầy đủ nhất có thể nhằm thể hiện khả năng sử dụng nhiều cấu trúc, từ vựng và chức năng ngôn ngữ, chẳng hạn như khả năng đánh giá, bày tỏ quan điểm, đưa ra giả thuyết, biện luận và thuyết phục.
Số câu hỏi?	Một câu hỏi bắt buộc
Số từ cần viết?	220–260 từ

Phần 2 (Viết dựa trên tình huống tự chọn)

Mô tả Phần 2?	Thí sinh sẽ chọn và viết một văn bản trong số các thể loại như sau: thư/email, đề xuất, báo cáo hoặc bài đánh giá. Nhằm định hướng cho thí sinh trong phần thi này, đề thi sẽ cung cấp thông tin về ngữ cảnh, mục đích của chủ đề và đối tượng đọc văn bản
---------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Thí sinh cần luyện tập gì?	Luyện tập viết các loại văn bản khác nhau có thể được dùng trong bài thi.
Số câu hỏi?	Thí sinh chọn một trong số ba đề bài.
Số từ cần viết?	220–260 từ

Nghe

Phần thi Nghe của bài thi C1 Advanced bao gồm 4 phần. Trong mỗi phần, thí sinh phải nghe một hoặc nhiều đoạn ghi âm và trả lời các câu hỏi. Thí sinh được nghe mỗi đoạn ghi âm hai lần.

Tóm lược:

Thời gian:	Khoảng 40 phút
Số phần:	4
Số câu hỏi:	30
Dạng bài nghe:	Dạng độc thoại, bao gồm chương trình radio, bài diễn văn, bài phát biểu, bài giảng, chuyện kể lại...; hoặc dạng tương tác giữa hai người nói, bao gồm chương trình radio, cuộc phỏng vấn, thảo luận, cuộc trò chuyện...

Phần 1 (Lựa chọn đáp án)

Mô tả Phần 1?	Ba đoạn ghi âm ngắn, bao gồm nhiều cuộc trò chuyện giữa các nhân vật nói. Sau mỗi đoạn ghi âm, thí sinh cần trả lời hai câu hỏi trắc nghiệm bao gồm 3 lựa chọn A, B và C.
Thí sinh cần luyện tập gì?	Khả năng nghe và hiểu cảm xúc, thái độ, quan điểm, mục đích, chức năng, sự đồng thuận, kế hoạch hành động, ý chính, chi tiết...
Số câu hỏi?	6
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng

Phần 2 (Hoàn thành câu)

Mô tả Phần 2?	Đoạn ghi âm dạng độc thoại kéo dài khoảng 3 phút. Thí sinh cần hoàn thành các câu còn để trống bằng cách điền thông tin khi nghe đoạn ghi âm này.
Thí sinh cần luyện tập gì?	Nghe hiểu thông tin cụ thể và quan điểm của người nói.
Số câu hỏi?	8
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng

Phần 3 (Lựa chọn đáp án)

Mô tả Phần 3?	Một đoạn hội thoại giữa hai hoặc nhiều người nói, kéo dài khoảng 4 phút. Thí sinh cần trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bao gồm 4 lựa chọn A, B, C và D.
Thí sinh cần luyện tập gì?	Nghe và hiểu thái độ, quan điểm, sự đồng thuận, ý chính, cảm xúc, mục đích người nói, chức năng và thông tin chi tiết.
Số câu hỏi?	6
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng

Phần 4 (Nối thông tin)

Mô tả Phần 4?	Một chuỗi năm đoạn độc thoại theo chủ đề do năm người khác nhau nói, mỗi đoạn kéo dài khoảng 30 giây. Đề bài bao gồm 2 yêu cầu; với mỗi yêu cầu này, thí sinh cần nối đúng mỗi người trong số năm người nói với một trong tám câu trả lời.
Thí sinh phải luyện tập gì?	Nghe hiểu ý chính, thái độ, quan điểm, mục đích nói, cảm xúc và khả năng hiểu ngữ cảnh.
Số câu hỏi?	10
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng

Nói

Phần thi Nói của bài thi C1 Advanced bao gồm bốn phần và thí sinh sẽ thực hiện phần thi cùng thí sinh khác (theo cặp).

Hai giám khảo tham gia phần thi này. Một giám khảo trực tiếp thực hiện phần thi (đặt câu hỏi cho thí sinh, đưa thí sinh tài liệu có chủ đề nói...), trong khi giám khảo còn lại nghe phần trả lời của thí sinh và ghi chú.

Tóm lược

Thời gian:	15 phút/cặp thí sinh
Số phần:	4
Thí sinh cần nói với:	Giám khảo Thí sinh khác Tự nói

Phần 1 (Phỏng vấn)

Mô tả Phần 1?	Giám khảo sẽ trò chuyện với thí sinh. Giám khảo đặt các câu hỏi và thí sinh cung cấp thông tin về sở thích, học tập, công việc...
Thí sinh cần luyện tập gì?	Khả năng truyền đạt thông tin về bản thân và bày tỏ quan điểm về nhiều chủ đề khác nhau.
Thời gian nói?	2 phút

Phần 2 (Nói theo lượt)

Mô tả Phần 2?	Giám khảo sẽ đưa cho thí sinh thứ nhất ba bức hình và yêu cầu thí sinh này nói về hai bức hình trong số đó. Thí sinh cần nói trong vòng 1 phút mà không gián đoạn. Sau đó, giám khảo yêu cầu thí sinh thứ hai bình luận về những gì thí sinh thứ nhất nói trong vòng 30 giây. Tiếp theo, thí sinh thứ hai sẽ nhận một bộ ba bức hình khác và nói trong vòng 1 phút tương tự thí sinh thứ nhất. Thí sinh thứ nhất sẽ phải đưa ra bình luận của mình sau khi phần nói này kết thúc. Câu hỏi mà mỗi thí sinh cần trả lời khi nói về các bức hình được viết tại đầu trang, nhằm giúp nhắc nhở thí sinh cần nói gì
---------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Thí sinh cần luyện tập gì?	Khả năng tự nói về một điều gì đó, bao gồm kỹ năng so sánh, mô tả, bày tỏ quan điểm và phỏng đoán.
Thời gian nói?	Mỗi thí sinh sẽ nói trong vòng 1 phút và bình luận về phần nói của thí sinh còn lại trong 30 giây

Phần 3 (Phối hợp)

Mô tả Phần 3?	Phần thi này yêu cầu 2 thí sinh trò chuyện với nhau. Giám khảo sẽ hướng dẫn thí sinh và đưa ra đầu đề bằng văn bản, thí sinh sẽ sử dụng đầu đề này để thảo luận với nhau trong 2 phút (3 phút nếu thi theo nhóm 3 thí sinh). Sau khi thời gian thảo luận kết thúc, giám khảo sẽ hỏi thí sinh thêm một câu hỏi và yêu cầu thí sinh ra quyết định; 2 thí sinh có 1 phút để thảo luận (2 phút nếu thi theo nhóm 3 thí sinh) và ra quyết định
Thí sinh cần luyện tập gì?	Khả năng trao đổi ý tưởng, bày tỏ và biện luận quan điểm, đồng ý/không đồng ý với người khác, gợi ý, phỏng đoán, đánh giá, thỏa thuận sau khi thương lượng...
Thời gian nói?	3 phút (2 phút thảo luận và 1 phút cho việc đưa ra quyết định)

Phần 4 (Thảo luận)

Mô tả Phần 4?	Hai thí sinh sẽ tiếp tục thảo luận với nhau dựa trên chủ đề hoặc vấn đề từ Phần 3. Giám khảo sẽ hỏi mỗi thí sinh một số câu hỏi và thí sinh sẽ thảo luận với nhau về câu hỏi này.
Thí sinh cần luyện tập gì?	Khả năng bày tỏ và biện luận quan điểm, đồng ý/không đồng ý
Thời gian nói?	5 phút

5. C2 Proficiency (CPE)

C2 Proficiency, trước đây từng có tên gọi là Cambridge English: Proficiency (CPE), là chứng chỉ bậc cao nhất trong hệ thống Chứng chỉ Tiếng Anh Cambridge, minh chứng cho người nói tiếng Anh thành thạo trình độ cao.

Chứng chỉ C2 Proficiency cho thấy khả năng làm chủ tiếng Anh ở cấp độ xuất chúng và chứng minh rằng bạn có thể giao tiếp trôi chảy và thành thạo bằng tiếng Anh tương đương với người bản ngữ.

Việc chuẩn bị thi và đạt được chứng chỉ này cho thấy học viên đã ở trình độ sử dụng tiếng Anh cần thiết trong môi trường học thuật hoặc chuyên môn cấp cao, chẳng hạn như các chương trình sau đại học hoặc Tiến sĩ.

Cấu trúc bài thi

Bài thi C2 Proficiency bao gồm 4 bài thi được xây dựng để kiểm tra kỹ năng tiếng Anh của thí sinh, cụ thể:

Bài thi	Nội dung	Mục đích
Đọc và Sử dụng tiếng Anh (1 giờ 30 phút)	7 phần/ 53 câu hỏi	Thí sinh cần thể hiện khả năng tự tin xử lý nhiều loại văn bản khác nhau, chẳng hạn sách hư cấu/phi hư cấu, báo chuyên ngành, báo chí và hướng dẫn sử dụng.
Viết (1 giờ 30 phút)	2 phần	Thí sinh cần thể hiện khả năng viết nhiều loại văn bản khác nhau, chẳng hạn như tiểu luận, báo cáo và bài đánh giá.
Nghe (khoảng 40 phút)	4 phần/ 30 câu hỏi	Thí sinh cần theo dõi và hiểu được nhiều loại tài liệu nghe khác nhau, chẳng hạn như bài giảng, diễn văn và cuộc phỏng vấn.
Nói (16 phút/cặp thí sinh dự thi)	3 phần	Kiểm tra khả năng giao tiếp trực tiếp hiệu quả.

Đọc và Sử dụng Tiếng Anh

Bài thi C2 Proficiency Đọc và Sử dụng Tiếng Anh bao gồm nhiều loại văn bản và câu hỏi khác nhau. Trong một phần thi, thí sinh có thể phải đọc một văn bản dài hoặc nhiều văn bản ngắn hơn có liên quan đến nhau.

Tóm lược:

Thời gian:	1 giờ 30 phút
Số phần:	7
Số câu hỏi:	53
Độ dài các văn bản:	Tổng cộng khoảng 3000 từ

Nguồn văn bản:

Sách (hư cấu và phi hư cấu), bài viết dành cho người không chuyên từ báo, tạp chí và Internet

Phần 1 (Chọn đáp án đúng và điền vào ô trống)

Mô tả Phần 1:	Một văn bản với 8 chỗ trống. Thí sinh cần lựa chọn một từ hoặc cụm từ trong số bốn câu trả lời để điền vào mỗi chỗ trống
Thí sinh cần luyện tập gì?	Thành ngữ, kết hợp từ, cụm từ cố định, bổ ngữ, cụm động từ và tính chính xác trong dùng từ.
Số câu hỏi?	8
Số điểm?	Một điểm cho câu trả lời đúng

Phần 2 (Điền từ vào ô trống)

Mô tả Phần 2?	Thí sinh điền từ phù hợp nhất vào tám chỗ trống trong một văn bản
Thí sinh cần luyện tập gì?	Nhận biết và sử dụng đúng ngữ pháp, từ vựng
Số câu hỏi?	8
Số điểm?	Một điểm cho câu trả lời đúng

Phần 3 (Biến đổi dạng từ)

Mô tả Phần 3?	Một văn bản bao gồm tám chỗ trống, mỗi chỗ trống tương ứng với một từ. "Từ gốc" của các từ cần điền được đặt cạnh văn bản và cần được thay đổi để điền vào chỗ trống
Thí sinh cần luyện tập gì?	Từ vựng, đặc biệt là khả năng biến đổi dạng từ bằng phụ tố, thay đổi trong từ và phức hợp
Số câu hỏi?	8

Số điểm?	Một điểm cho câu trả lời đúng
----------	-------------------------------

Phần 4 (Viết lại câu với từ gợi ý)

Mô tả Phần 4?	6 câu hỏi, mỗi câu hỏi bao gồm một câu dẫn nhập và một câu trả lời có chỗ trống. Thí sinh điền 3-8 từ vào chỗ trống, bao gồm một "từ chìa khóa" được cho trước
Thí sinh cần luyện tập gì?	Ngữ pháp, từ vựng và kết hợp từ
Số câu hỏi?	6
Số điểm?	Tối đa 2 điểm cho mỗi câu trả lời đúng

Phần 5 (Lựa chọn đáp án)

Mô tả Phần 5?	Sau khi đọc một văn bản dài, thí sinh cần trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, mỗi câu hỏi bao gồm 4 lựa chọn A, B, C, D.
Thí sinh cần luyện tập gì?	Khả năng xác định thông tin chi tiết, quan điểm, thái độ, giọng điệu, mục đích, ý chính, hàm ý và cấu trúc văn bản..
Số câu hỏi?	6
Số điểm?	Tối đa 2 điểm cho mỗi câu trả lời đúng

Phần 6 (Văn bản có phần trống)

Mô tả Phần 6?	Một số đoạn văn bị lược bỏ khỏi văn bản chính và đặt ra ngoài không theo thứ tự trong văn bản chính. Thí sinh cần đặt mỗi đoạn văn vào đúng chỗ trong văn bản chính
Thí sinh cần luyện tập gì?	Khả năng hiểu tính liên kết, mức độ chặt chẽ và cấu trúc của văn bản, cùng với đó là ý nghĩa chung của văn bản.
Số câu hỏi?	7

Số điểm?	Tối đa 2 điểm cho mỗi câu trả lời đúng
----------	----------------------------------------

Phần 7 (Nối thông tin)

Mô tả Phần 7?	Đề bài bao gồm một văn bản (hoặc một số văn bản ngắn) và các câu hỏi nối thông tin. Thí sinh cần nối thông tin ở mỗi câu hỏi với thông tin trong văn bản
Thí sinh cần luyện tập gì?	Khả năng hiểu chi tiết, quan điểm, thái độ và thông tin cụ thể
Số câu hỏi?	10
Số điểm?	Một điểm cho câu trả lời đúng

Writing

Trong hai phần của bài thi C2 Proficiency kỹ năng Viết, thí sinh sẽ phải thể hiện kỹ năng viết một số loại văn bản khác nhau bằng tiếng Anh.

Tóm lược:

Thời gian:	1 giờ 30 phút
Số phần:	2
Số câu hỏi:	Phần 1: 1 câu hỏi bắt buộc Phần 2: Thí sinh chọn 1 trong 4 câu hỏi

Phần 1

Mô tả Phần 1:	Bao gồm hai văn bản ngắn với độ dài 100 từ mỗi văn bản. Thí sinh cần sử dụng thông tin từ các văn bản này để viết một bài tiểu luận
Thí sinh cần luyện tập gì?	Thí sinh cần viết một bài tiểu luận tóm tắt ý chính của hai văn bản (khoảng 100 từ/văn bản), đánh giá luận điểm trừu tượng của hai văn bản này và đưa ra ý tưởng riêng của mình về chủ đề và thể hiện sự mạch lạc trong bài tiểu luận
Số câu hỏi?	1 câu hỏi bắt buộc

Số từ cần viết?	240–280 từ
-----------------	------------

Phần 2

Mô tả Phần 2:	Thí sinh lựa chọn một trong 4 câu hỏi (2-5). Đối với câu hỏi 2-4, thí sinh có thể phải viết một bài đăng báo, một bức thư, một báo cáo hoặc một bài đánh giá
Câu hỏi 5 thì sao?	Nếu thí sinh đã đọc một trong những cuốn sách và muốn viết về nó, thí sinh có thể chọn làm Câu hỏi 5 này. Thí sinh có thể chọn phần 5(a) hoặc 5(b). Thí sinh có thể phải viết một bài đăng báo, tiểu luận, thư, báo cáo hoặc bài đánh giá.
Thí sinh cần luyện tập gì?	Viết nhiều loại văn bản khác nhau dựa trên một ngữ cảnh cho trước.
Số câu hỏi?	Thí sinh chọn 1 trong 4 câu hỏi.
Số từ cần viết?	280–320 từ

Nghe

Bài thi C2 Proficiency kỹ năng Nghe bao gồm bốn phần. Trong mỗi phần, thí sinh phải nghe một hoặc nhiều đoạn ghi âm và trả lời các câu hỏi. Thí sinh được nghe mỗi đoạn ghi âm hai lần

Tóm lược:

Thời gian:	Khoảng 40 phút
Số phần:	4
Số câu hỏi:	30

Phần 1 (Lựa chọn đáp án)

Mô tả Phần 1:	3 đoạn ghi âm ngắn không liên quan đến nhau, mỗi đoạn ghi âm dài khoảng 1 phút. Thí sinh cần nghe các đoạn ghi âm và trả lời hai câu hỏi trắc nghiệm cho mỗi đoạn ghi âm này. Mỗi câu hỏi bao gồm ba lựa chọn A, B hoặc C
Thí sinh cần luyện tập gì?	Khả năng nghe hiểu ý chính, chi tiết, chức năng, mục đích, chủ đề, người nói, người nghe, cảm xúc, thái độ, quan điểm...
Số câu hỏi?	6
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng.

Phần 2 (Hoàn thành câu)

Mô tả Phần 2?	Một đoạn độc thoại kéo dài khoảng 3-4 phút. Câu hỏi bao gồm các câu chưa hoàn chỉnh; thí sinh cần nghe đoạn ghi âm và điền thông tin cần thiết (1-3 từ) vào chỗ trống để hoàn thành các câu này.
Thí sinh cần luyện tập gì?	Khả năng nghe và tìm thông tin cụ thể hoặc quan điểm của người nói.
Số câu hỏi?	9
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng.

Phần 3 (Lựa chọn đáp án)

Mô tả Phần 3?	Đoạn ghi âm nhiều người nói tương tác với nhau, kéo dài khoảng 3-4 phút. Thí sinh phải nghe đoạn ghi âm và trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm, mỗi câu hỏi có bốn lựa chọn A, B, C hoặc D
---------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Thí sinh cần luyện tập gì?	Khả năng nghe và hiểu quan điểm, ý chính, chi tiết, suy luận
Số câu hỏi?	5
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng.

Phần 4 (Nối thông tin)

Mô tả Phần 4:	Năm đoạn đọc thoại ngắn theo chủ đề, mỗi đoạn kéo dài khoảng 35 giây. Đề bài bao gồm 2 yêu cầu. Mỗi yêu cầu nối thông tin thí sinh cần chọn ra năm đáp án đúng trong số tám lựa chọn
Thí sinh cần luyện tập gì?	Khả năng hiểu ý chính, thái độ, điểm chính và ngữ cảnh.
Số câu hỏi?	10
Số điểm?	1 điểm cho câu trả lời đúng.

Nói

Bài thi C2 Proficiency kỹ năng Nói bao gồm ba phần, trong đó hai thí sinh sẽ thực hiện phần thi cùng với thí sinh khác. Hai giám khảo tham gia phần thi này, bao gồm một giám khảo hỏi thi trực tiếp trong khi giám khảo còn lại nghe phần trả lời của thí sinh và ghi chú.

Tóm lược:

Thời gian:	16 phút/cặp thí sinh
Số phần:	3
Thí sinh cần nói với:	Giám khảo Thí sinh khác Tự nói

Phần 1 (Phỏng vấn)

Mô tả Phần 1:	Trò chuyện giữa giám khảo hỏi thi và từng thí sinh. Giám khảo thực hiện phần thi sẽ hỏi hai thí sinh một chuỗi câu hỏi theo lượt, tạo cơ hội để thí sinh nói về mình.
Thí sinh cần luyện tập gì?	Khả năng truyền đạt thông tin về bản thân, bày tỏ quan điểm và phỏng đoán về nhiều chủ đề khác nhau.
Thời gian nói?	2 phút

Phần 2 (Phối hợp)

Mô tả Phần 2?	Giám khảo hỏi thi đưa ra một hoặc nhiều bức hình cho thí sinh, kèm theo hướng dẫn làm bài. Đầu tiên, thí sinh cần trả lời một câu hỏi tập trung vào phản ứng của bản thân về các khía cạnh của một hoặc nhiều bức hình được đưa ra (1 phút). Sau đó, hai thí sinh cần cùng nhau thực hiện câu hỏi để ra quyết định
Thí sinh cần luyện tập gì?	Khả năng duy trì tương tác nói: trao đổi ý tưởng, bày tỏ và biện luận quan điểm, đồng ý/không đồng ý, gợi ý, phỏng đoán, đánh giá, thương lượng và đi đến quyết định thông qua thương thuyết...
Thời gian nói?	4 phút

Phần 3 (Nói theo lượt dài và thảo luận)

Mô tả Phần 3?	Giám khảo hỏi thi đưa cho thí sinh một tấm thẻ với một câu hỏi kèm theo một số ý tưởng về câu hỏi này. Thí sinh cần nói trong 2 phút để trả lời câu hỏi. Sau khi thí sinh thứ nhất hoàn thành, thí sinh thứ hai sẽ cần bình luận về câu trả lời. Giám khảo lặp lại quy trình tương tự với thí sinh thứ hai và dẫn nhập phần trao đổi với cả hai thí sinh
Thí sinh cần luyện tập gì?	Khả năng nói trong thời gian dài hơn, bày tỏ và biện luận quan điểm, phát triển chủ đề.
Thời gian nói?	10 phút (2 phút cho mỗi thí sinh và khoảng 6 phút thảo luận)

6. Kết quả thi

Thí sinh sẽ nhận được điểm số riêng cho từng kỹ năng trong bốn kỹ năng (đọc, viết, nghe và nói) và phần Sử dụng Tiếng Anh (với bài thi B2 First, C1 Advanced và C2 Proficiency), giúp thí sinh hiểu rõ về năng lực của mình. Trung bình cộng của những điểm số này sẽ là kết quả trung bình của bài thi. Thí sinh cũng sẽ được cho điểm và cấp độ theo Khung CEFR.

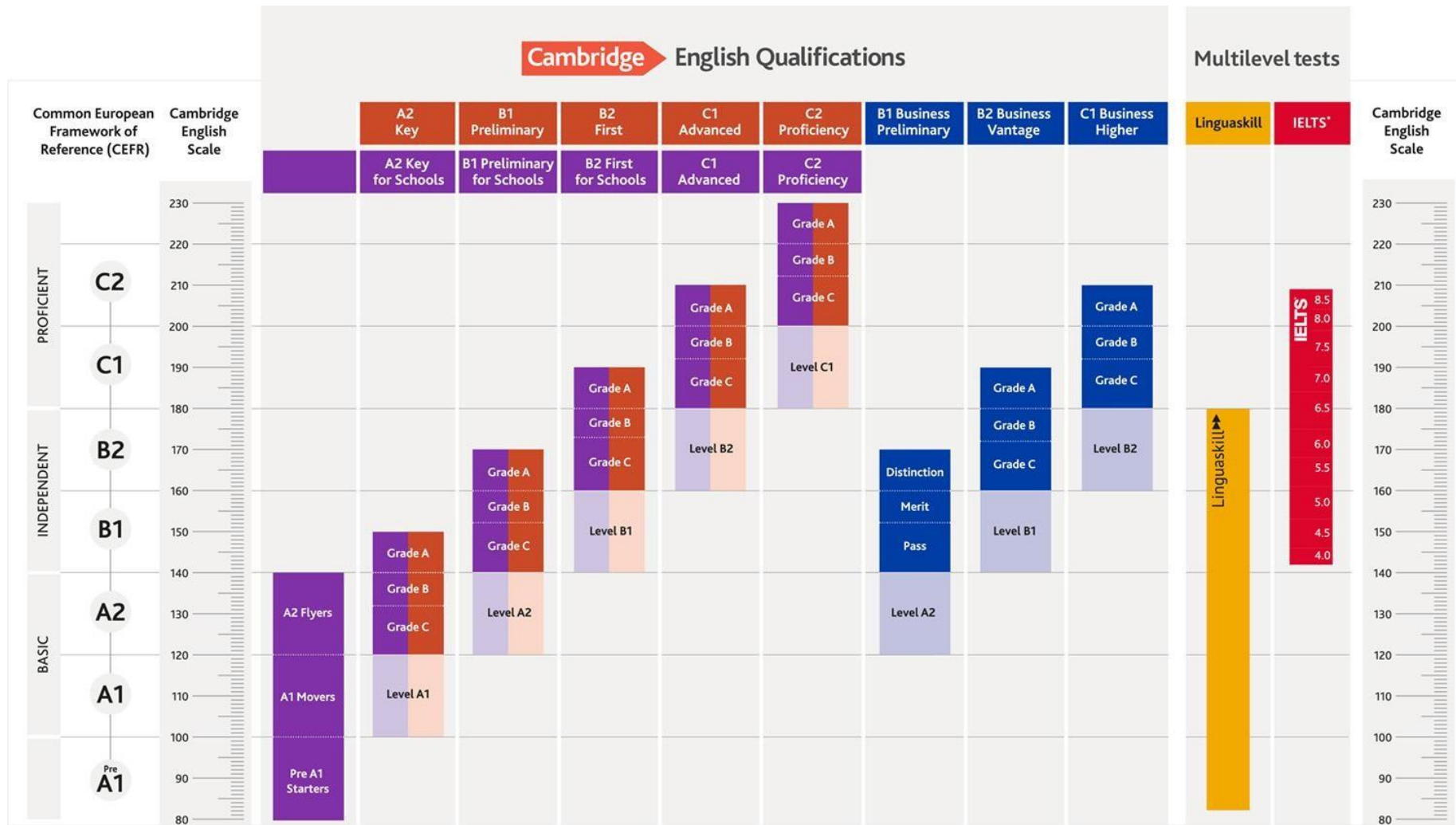
Thang điểm Cambridge English được sử dụng để báo cáo các kết quả cho bài thi. Các điểm số giúp thí sinh hiểu chi tiết về cấp độ của mình. Điểm số được thể hiện nhất quán qua các bài thi, giúp dễ dàng so sánh kết quả và hiểu được sự diễn tiến từ một cấp độ với độ kế tiếp.

Thang điểm Cambridge English được xây dựng dựa trên báo cáo kết quả hiện có và trong nhiều năm nghiên cứu, và được thiết kế nhằm bổ sung cho Khung Tham chiếu chung Châu Âu về Ngôn ngữ (CEFR).

Lợi ích của Thang điểm Cambridge English:

- Hiểu chi tiết về kết quả thi – thí sinh đạt điểm số cho mỗi kỹ năng (Đọc, Viết, Nghe và Nói) cùng phần Sử dụng Ngôn ngữ trong một số bài thi. Thí sinh cũng được ghi nhận điểm số trung bình của bài thi trên Thang điểm Cambridge English.
- Dễ hiểu và nhất quán – kết quả các bài thi được báo cáo trên cùng thang điểm.
- Dễ dàng so sánh hiệu quả - việc neo các bài thi trên Khung CEFR, cùng bài thi IELTS và các bài thi với nhau đều được thể hiện rõ ràng. Kết quả theo thang điểm giúp cho thí sinh hiểu rõ về sự tiến bộ của mình qua từng cấp độ bài thi.

Mối liên hệ giữa các cấp độ trên CEFR, Thang điểm Cambridge English và điểm thí sinh đạt được ở các bài thi: A2 Key, B1 Preliminary, B2 First, C1 Advanced and C2 Proficiency được thể hiện như sau:



*IELTS is mapped to, but does not report on the Cambridge English Scale

Schools General & higher education Business

A2 Key Scale Scores (Kết quả bài thi A2 Key - KET)

Thang điểm Cambridge English	Điểm	Cấp độ CEFR
140–150	Grade A	B1
133–139	Grade B	A2
120–132	Grade C	A2
100–119	Level A1	A1

Bài thi đo cấp độ A2 theo Khung trình độ CEFR. Bài thi đánh giá tin cậy ở cấp độ trên A2 (Cấp độ B1) và cấp độ dưới (Cấp độ A1).

Điểm số giữa 100 và 119 cũng được báo cáo trên Báo cáo Kết quả thi của thí sinh, nhưng thí sinh sẽ không được nhận chứng chỉ bài thi A2 Key (KET).

B1 Preliminary Scale Scores (Kết quả bài thi B1 Preliminary – PET)

Thang điểm Cambridge English	Điểm	Cấp độ CEFR
160–170	Grade A	B2
153–159	Grade B	B1
140–152	Grade C	B1
120–139	Level A2	A2

Bài thi đo cấp độ B1 theo Khung trình độ CEFR. Bài thi đánh giá tin cậy ở cấp độ trên B1 (Cấp độ B2) và cấp độ dưới (Cấp độ A2).

Điểm số giữa 102 và 119 cũng được báo cáo trên Báo cáo Kết quả thi của thí sinh, nhưng thí sinh sẽ không được nhận chứng chỉ bài thi B1 Preliminary (PET).

B2 First Scale Scores (Kết quả bài thi B2 First – FCE)

Thang điểm Cambridge English	Điểm/CEFR	Cấp độ CEFR
180–190	Grade A	C1
173–179	Grade B	B2
160–172	Grade C	B2
140–159	Level B1	B1

Bài thi đo cấp độ B2 theo Khung trình độ CEFR. Bài thi đánh giá tin cậy ở cấp độ trên B2 (Cấp độ C1) và cấp độ dưới (Cấp độ B1).

Điểm số giữa 122 và 139 cũng được báo cáo ở trình độ B2 First. Thí sinh sẽ không được nhận chứng chỉ, nhưng Thang điểm Cambridge English được thể hiện trên Báo cáo Kết quả thi.

C1 Advanced Scale Scores (Kết quả bài thi C1 Advanced – CAE)

Thang điểm Cambridge English	Điểm/CEFR	Cấp độ CEFR
200–210	Grade A	C2
193–199	Grade B	C1
180–192	Grade C	C1
160–179	Level B2	B2

Bài thi đo cấp độ C1 theo Khung trình độ CEFR. Bài thi đánh giá tin cậy ở cấp độ trên C1 (Cấp độ C2) và cấp độ dưới (Cấp độ B2).

Điểm số giữa 142 và 159 cũng được báo cáo ở trình độ C1 Advanced. Thí sinh sẽ không được nhận chứng chỉ, nhưng Thang điểm Cambridge English được thể hiện trên Báo cáo Kết quả thi.

C2 Proficiency Scale Scores (Kết quả bài thi C1 Proficiency – CPE)

Thang điểm Cambridge English	Điểm	Cấp độ CEFR
220–230	Grade A	C2
213–219	Grade B	C2
200–212	Grade C	C2
180–199	Level C1	C1

Bài thi đo cấp độ C2 theo Khung trình độ CEFR. Bài thi đánh giá tin cậy ở cấp độ dưới C2 (Cấp độ C1).

Điểm số giữa 162 và 179 cũng được báo cáo ở trình độ C2 Proficiency. Thí sinh sẽ không được nhận chứng chỉ, nhưng Thang điểm Cambridge English được thể hiện trên Báo cáo Kết quả thi.